|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG
CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH**

**DỰ** **THẢO**

**Đề nghị xây dựng Nghị định quy định về khu công nghệ cao**

## **I. THỰC TRẠNG CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH**

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công nghệ cao đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ngay từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, Đảng và Nhà nước ta đã có những định hướng, quyết sách đúng đắn để thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao, quyết tâm đẩy nhanh ứng dụng và phát triển công nghệ cao ở trong nước nhằm góp phần quan trọng cho việc đạt được mục tiêu công nghiệp hóa và hiện đại hóa vào năm 2020. Theo đó, Nghị quyết của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khoá VIII) số 02-NQ/HNTW ngày 24/12/1996 về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000 đã xác định: Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ cao như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới... nhằm nhanh chóng hiện đại hoá công nghệ trong các ngành kinh tế quốc dân và tạo ra các ngành công nghiệp mũi nhọn có giá trị gia tăng cao. Bước đầu xây dựng hai khu công nghệ cao tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Triển khai thực hiện Nghị quyết 02-NQ/HNTW, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định thành lập Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (năm 1998) và Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (năm 2002). Đồng thời, từng bước, Chính phủ cũng ban hành nhiều chính sách nhằm thúc đẩy phát triển các khu công nghệ cao như: Quy chế Khu công nghệ cao (Nghị định; 2003), Một số chính sách khuyến khích đầu tư tại Khu công nghệ cao (Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 2004),... cùng nhiều nội dung ưu đãi có liên quan được quy định trong các luật chuyên ngành khác nhau.

Sự ra đời của Luật Công nghệ cao năm 2008 đã thể chế hóa các chính sách lớn về ứng dụng và phát triển công nghệ cao ở nước ta, trong đó việc thúc đẩy sự phát triển công nghệ cao được tập trung chủ yếu thông qua một số nhiệm vụ chủ chốt, trong đó có tập trung nguồn lực xây dựng và phát triển các khu công nghệ cao, các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hình thành các trung tâm R&D công nghệ cao, thu hút các doanh nghiệp lớn về công nghệ cao trên thế giới, đảm đương vai trò đầu tầu về phát triển công nghệ cao, tạo hiệu ứng lan toả. Từ thời điểm Luật Công nghệ cao ra đời đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã tiếp tục quyết định thành lập Khu Công nghệ cao Đà Nẵng (năm 2002) và Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai (năm 2016).

Trong thời gian gần đây, Chính phủ và các bộ, ban ngành, địa phương đã tiếp tục tích cực xây dựng, ban hành nhiều chính sách mới nhằm thúc đẩy phát triển các khu công nghệ cao, đặc biệt là đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/86/2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc) và Khu Công nghệ cao Đà Nẵng (Nghị định số 04/2018/NĐ-CP ngày 04/01/2019 quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Khu công nghệ cao Đà Nẵng).

Tuy nhiên, hiện nay, hệ thống văn bản pháp lý về khu công nghệ cao vẫn chưa hoàn thiện trong bối cảnh Quy chế Khu công nghệ cao ban hành theo Nghị định số 99/2003/NĐ-CP có nhiều điểm không còn phù hợp và không theo kịp với thực tiễn phát triển khu công nghệ cao, đồng thời chưa có các quy định pháp luật mới điều chỉnh thống nhất đối với các khu công nghệ cao. Việc xây dựng các Nghị định đặc thù được nêu ở trên chỉ được xem là giải pháp tình thế nhằm giải quyết một số vấn đề riêng đối với một khu công nghệ cao cụ thể, không giải quyết được những hạn chế, vướng mắc trong trong công tác xây dựng, vận hành các khu công nghệ cao trong cả nước nói chung. Thực trạng các vấn đề liên quan đến khu công nghệ cao hiện nay được trình bày dưới các góc nhìn cụ thể như sau:

**1. Vấn đề 1: Về thành lập mới, mở rộng khu công nghệ cao**

Trên thực tế, căn cứ yêu cầu thực tiễn phát triển các khu công nghệ cao trong cả nước, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày  08/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ cao đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Quy hoạch này là cơ sở để Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thành lập các khu công nghệ cao trong quy hoạch, trong đó có Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai (năm 2016), và bổ sung quy hoạch.

Gần đây, khi tiến hành đánh giá, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thành lập Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai, do chưa có hệ thống văn bản hướng dẫn cụ thể, Bộ Khoa học phải căn cứ vào thực tiễn triển khai việc thành lập Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng cũng như tham khảo yêu cầu hồ sơ, trình tự thủ tục xét, trình thành lập đối với Khu công nghệ thông tin tập trung theo quy định tại Nghị định 154/20013/NĐ-CP về khu công nghệ thông tin tập trung. Đối với việc mở rộng khu công nghệ cao, hiện chưa có quy định cụ thể và chưa có tiền lệ xử lý.

**2. Vấn đề 2: Về đầu tư, xây dựng và phát triển khu công nghệ cao**

Theo quy định tại Nghị định 99/NĐ-CP, ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng chung (theo quy hoạch chung tỷ lệ 1/5.000) và hạ tầng khu Nghiên cứu và Phát triển và khu Giáo dục và Đào tạo, các khu chức năng khác (theo quy hoạch tỷ lệ 1/2.000) cần huy động từ các nguồn xã hội hóa. Hiện nay, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Khu Công nghệ cao Đà Nẵng đang thực hiện theo quy định này, riêng Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh được ngân sách nhà nước đầu tư toàn bộ hạ tầng chung và hạ tầng khu chức năng.

Công tác triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật gặp khó khăn do nhiều khu công nghệ cao đã nhiều lần phải điều chỉnh quy hoạch (kể cả điều chỉnh cục bộ các phân khu chức năng) cho phù hợp với yêu cầu của các nhà đầu tư và thực tế triển khai gắn với đòi hỏi cập nhật từ thực tiễn. Cũng do việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật chung kéo dài qua nhiều năm, kéo theo sự thay đổi về quy hoạch nhiều lần nên việc khớp nối các hạ tầng của từng thời kỳ cũng đã làm phát sinh và mất nhiều thời gian để xử lý các vấn đề kỹ thuật.

**3. Vấn đề 3: Về thu hút đầu tư vào khu công nghệ cao**

Nghị định số 99/2003/NĐ-CP xác định các loại hình doanh nghiệp khu công nghệ cao bao gồm (là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và hoạt động trong khu công nghệ cao): doanh nghiệp phát triển hạ tầng, doanh nghiệp công nghệ cao (sau khi Luật Công nghệ cao ra đời, được hiểu là doanh nghiệp đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao trong khu công nghệ cao), doanh nghiệp dịch vụ công nghệ cao, Công ty phát triển khu công nghệ cao và doanh nghiệp dịch vụ dân sinh. Nghị định số 99/2003/NĐ-CP không quy định chi tiết tiêu chí thu hút đối với từng loại nêu trên đầu tư vào khu công nghệ cao.

Riêng đối với dự án đầu tư vào khu công nghệ cao để sản xuất sản phẩm công nghệ cao, do tính chất đặc thù về sản xuất khác với hoạt động sản xuất trong khu công nghiệp thông thường, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng và ban hành Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18/12/2006 về việc ban hành “Quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao”. Tuy nhiên, quy định này xác định các tiêu chuẩn đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao được đầu tư vào khu công nghệ cao nhưng chỉ áp dụng đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (do ở thời điểm ban hành Thủ tướng Chính phủ mới quyết định thành lập 02 khu công nghệ cao này và chưa có định hướng thành lập thêm khu công nghệ cao khác trong cả nước).

Sau khi Luật Công nghệ cao ra đời, một số văn bản hướng dẫn Luật đã xác định nhiều loại hình dự án/doanh nghiệp khác nhau liên quan đến các công nghệ cao thuộc các lĩnh vực công nghệ cao được ưu tiên, do đó, để thu hút đầu tư phù hợp với các quy định pháp luật mới, các khu công nghệ cao đã nghiên cứu, vận dụng thêm các quy định này khi xem xét các dự án cụ thể đề xuất đầu tư vào khu công nghệ cao. Đây có thể xem là một giải pháp tình thế khi các văn bản quy định tiêu chí thu hút đầu tư vào khu công nghệ cao chưa được điều chỉnh kịp thời.

Theo quy định tại Nghị định số 99/2003/NĐ-CP, dự án đầu tư vào khu công nghệ cao được lập theo quy định của pháp luật, có giải trình rõ việc đáp ứng những điều kiện được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật. Ở đây việc giải trình rõ việc đáp ứng những điều kiện được hưởng ưu đãi có nội dung thẩm định về công nghệ của dự án đầu tư theo các tiêu chí công nghệ cao, tuy nhiên, nội dung này không được quy định tại Luật Đầu tư số 67/2014/QH13. Việc không quy định về thẩm định công nghệ của các dự án đầu tư vào khu công nghệ cao dẫn tới vướng mắc trong việc đảm bảo phát triển đúng mục tiêu định hướng của các khu công nghệ cao.

**4. Vấn đề 4: Hiện trạng cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư**

Theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP thì khu công nghệ cao là địa bàn ưu đãi đầu tư. Nhà đầu tư vào khu công nghệ cao được hưởng ưu đãi cao nhất về đầu tư, thuế, miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành khi đáp ứng đủ các điều kiện được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định pháp luật. Các chính sách ưu đãi này (do Quốc hội và Chính phủ quy định) được quy định tản mát trong các văn bản pháp luật chuyên ngành khác nhau về: đầu tư, xây dựng, thuế, đất đai,…

**5. Vấn đề 5: Hiện trạng quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao**

Đến nay, về quản lý nhà nước đối với các khu công nghệ cao, có hệ thống các văn bản sau:

- Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Khu công nghệ cao;

- Quyết định số 53/2004/QĐ-TTg ngày 05/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích đầu tư tại khu công nghệ cao;

- Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chuẩn các dự án đầu tư vào khu công nghệ cao để sản xuất sản phẩm công nghệ cao;

- Luật Công nghệ cao, các luật chuyên ngành có liên quan;

- Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày 08/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ cao đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 20/06/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao;

- Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/06/2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc; Nghị định số 04/2018/NĐ-CP ngày 04/01/2018 của Chính phủ quy định về cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Khu Công nghệ cao Đà Nẵng;

- Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 12/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu công nghệ cao Hòa Lạc, phê duyệt quy hoạch tổng thể và dự án đầu tư bước I, giai đoạn 1 Khu công nghệ cao Hòa Lạc; Quyết định số 10/2000/QĐ-TTg ngày 18/01/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc trực thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Quyết định số 09/2019/QĐ-TT ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Quyết định số 145/2002/QĐ-TTg ngày 24/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 1979/QĐ-TTg ngày 28/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Khu công nghệ cao Đà Nẵng; Quyết định số 1296/QĐ-TTg ngày 03/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng;

- Quyết định số 865/QĐ-TTg ngày 24/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai; Quyết định số 1780/QĐ-TTg ngày 19/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động của Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai; Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai.

Quản lý nhà nước đối với các khu công nghệ cao được quy định theo nhiều văn bản khác nhau và đối với mỗi khu công nghệ cao, do thời điểm thành lập và tính chất đặc thù lại có các quy định riêng khác nhau.

## **II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC, NGUYÊN NHÂN**

## **2.1. Những kết quả đã đạt được**

Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Khu công nghệ cao cũng như các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao đã tạo ra hành lang pháp lý để các khu công nghệ cao triển khai công tác đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, quản lý hoạt động, phát triển, thu hút đầu tư.

Về đầu tư, xây dựng và phát triển khu công nghệ cao: Dự án phát triển hạ tầng chính Khu Công nghệ cao Hòa Lạc sử dụng vốn vay ODA của Nhật đến nay về cơ bản đã gần hoàn thành; Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh: hoàn thành cơ bản giai đoạn I 300ha, giai đoạn II 613ha gần hoàn thiện; Khu Công nghệ cao Đà Nẵng: giai đoạn 1 với diện tích 392,43 ha về cơ bản đã hoàn thành, đang triển khai đầu tư giai đoạn II.

Về thu hút đầu tư vào khu công nghệ cao: Đến nay, 03 khu công nghệ cao quốc gia đã thu hút được > 250 dự án đầu tư trên nhiều lĩnh vực khác nhau (trong đó có 74 dự án FDI) với tổng vốn đăng ký > 11 tỷ USD với số lượng người lao động, học tập trong khu > 50.000. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2018 đạt > 15 tỷ USD. Ngoài ra, các khu công nghệ cao còn đạt được những kết quả đáng ghi nhận trong hoạt động đào tạo nhân lực công nghệ cao, ươm tạo công nghệ cao, nghiên cứu phát triển công nghệ cao, hỗ trợ thương mại hóa sản phẩm đổi mới, sáng tạo. Các khu công nghệ cao đã bước đầu thành công trong việc thu hút các tập đoàn, các công ty lớn đầu tư các dự án ứng dụng công nghệ cao để đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao (như: Intel, Nidec, Jabil, Sonion, Sanofi, FPT, Viettel, Vingroup, Nipro, Datalogic, Samsung, Sonion, USM Healthcare, Nanogen,…). Nhìn chung, hoạt động thu hút đầu tư công nghệ cao đạt kết quả rất tốt về lượng và chất, đây là nền tảng đảm bảo sản lượng sản phẩm công nghệ cao tăng nhanh hàm lượng R&D trong cơ cấu giá trị sản phẩm, có tính cạnh tranh toàn cầu và bền vững qua các năm.

Các nghị định đặc thù (số 74/2017/NĐ-CP đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc; số 04/2018/NĐ-CP đối với Khu Công nghệ cao Đà Nẵng) về cơ bản đã giúp các Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Đà Nẵng thuận lợi hơn trong hoạt động quản lý cũng như thu hút đầu tư. Đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, sau khi Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/04/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao, Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017, Thông tư số 32/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ban hành và có hiệu lực, Ban Quản lý đã khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện: xây dựng và ban hành hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ xác định giá đất cụ thể tính thu tiền thuê đất và tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất hàng năm; đang nghiên cứu xây dựng mức thu tiền sử dụng hạ tầng đối với các công trình hạ tầng do nhà nước đầu tư (tiền duy tu, bảo dưỡng hạ tầng) và tiền xử lý nước thải; phối hợp với các Chủ đầu tư hạ tầng tính toán mức thu tiền sử dụng hạ tầng đối với các công trình do chủ đầu tư hạ tầng đầu tư và tiền thu hồi chi phí san lấp mặt bằng;...

**2.2. Những vướng mắc, hạn chế và nguyên nhân**

Các kết quả nêu trên đã phần nào cho thấy hiệu quả nhất định trong việc triển khai thực hiện Quy chế Khu công nghệ cao (ban hành theo Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 của Chính phủ) cũng như hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao. Tuy nhiên, thực tiễn quá trình xây dựng, phát triển, quản lý vận hành, khai thác khu công nghệ cao vẫn còn rất nhiều những khó khăn, vướng mắc, cụ thể như sau:

Thứ nhất, các quy định pháp luật cho việc thành lập, mở rộng khu công nghệ cao chưa hoàn thiện gây khó khăn cho các địa phương đề xuất cũng như quá trình xử lý của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan. Hệ thống các văn bản pháp lý hiện tại mới xác định điều kiện thành lập khu công nghệ cao, quy định thẩm quyền xem xét hồ sơ đề nghị thành lập khu công nghệ cao, trình hồ sơ cũng như thẩm quyền quyết định thành lập khu công nghệ cao. Theo đó, cần bổ sung các quy định liên quan đến thành phần, yêu cầu đối với hồ sơ, quy trình, thủ tục xử lý hồ sơ đề án thành lập khu công nghệ cao cũng như các quy định tương tự liên quan đến mở rộng khu công nghệ cao hiện hữu.

Thứ hai, việc chưa thu hồi và giải phóng mặt bằng dứt điểm đối với một số khu công nghệ cao đã gây khó khăn trong việc bàn giao đất cho nhà đầu tư để triển khai dự án theo tiến độ cam kết, bên cạnh đó xuất hiện tình trạng tái lấn chiếm bất hợp pháp của các hộ dân. Công tác giải phóng mặt bằng đối với các khu công nghệ cao gặp khó khăn do diện tích đất cần giải phóng mặt bằng lớn, kéo dài qua nhiều năm nên chế độ, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có rất nhiều biến động, không đảm bảo một mặt bằng chính sách chung cho toàn dự án.

Thứ ba, kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghệ cao là rất lớn, tuy nhiên, ngân sách nhà nước thường cấp chậm, dàn trải, chưa bố trí vốn kịp thời để xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng. Trong khi đó, chưa có chính sách phù hợp để thu hút các nguồn vốn xã hội hóa đầu tư cơ sở hạ tầng các khu chức năng.

Thứ tư, hoạt động thu hút đầu tư và công tác xử lý các dự án đề xuất vào khu công nghệ cao gặp vướng mắc do thiếu tiêu chí chi tiết đối với các loại hình dự án khác nhau đầu tư vào khu công nghệ cao. Hiện nay, mới có tiêu chí dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao trong khu công nghệ cao được quy định chi tiết, tuy nhiên tiêu chí này được ban hành trước khi Luật Công nghệ cao ra đời cũng như chỉ được áp dụng đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Khu Công nghệ cao Đà Nẵng. Sau khi Luật Công nghệ cao ra đời, đã có nhiều bộ tiêu chí khác nhau áp dụng cho nhiều loại hình dự án khác nhau liên quan đến các công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển được ban hành, tuy nhiên các tiêu chí này được áp dụng rộng rãi trên toàn quốc, không hạn chế áp dụng đối với phạm vi khu công nghệ cao nhưng thiếu quy định áp dụng khi xét đối với dự án đầu tư vào khu công nghệ cao. Theo đó, các khu công nghệ cao đã phải vận dụng kết hợp các tiêu chí này để xét dự án đề xuất đầu tư vào khu công nghệ cao.

Thứ năm, các cơ chế, chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ cao được thực hiện theo các quy định pháp luật chuyên ngành về đầu tư, xây dựng, đất đai, thuế,… do đó được quy định tản mát tại rất nhiều văn bản pháp luật khác nhau, gây khó khăn cho nhà đầu tư trong quá trình tiếp cận, tìm hiểu chính sách và quyết định đầu tư vào khu công nghệ cao.

Thứ sáu, các dự án trong nước chiếm đa số tại khu công nghệ cao nhưng tỷ lệ vốn đầu tư bình quân còn khá thấp so với các dự án FDI. Ngoài ra, đa số các dự án chậm triển khai đều là các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước. Điều này, cho thấy nhà đầu tư trong nước thường không chuyên nghiệp, năng lực tài chính yếu, chậm triển khai nên rất khó thúc đẩy tiến độ dự án. Do đó, cần có những giải pháp để nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư trong nước.

Thứ bảy, liên kết giữa hoạt động R&D, đào tạo, ươm tạo của khu công nghệ cao với Viện, Trường, doanh nghiệp chưa đạt được hiệu quả cao; các dự án ươm tạo chưa thu hút được nhiều các quỹ đầu tư tham gia và việc hỗ trợ cho các dự án khởi nghiệp chủ yếu chỉ mới tập trung trong các nội dung liên quan đến tư vấn, hỗ trợ hoàn thiện sản phẩm, hỗ trợ cơ sở vật chất trang thiết bị nghiên cứu sản xuất thử nghiệm.

Thứ tám, các khu công nghệ cao có mô hình tổ chức và hoạt động khác nhau, có sự bất cân xứng về vị trí pháp lý và quy chế hoạt động giữa các khu công nghệ cao. Điều này nảy sinh từ thực tiễn do các khu công nghệ cao thành lập ở các thời điểm khác nhau và quy chế hoạt động áp dụng chung cho các khu công nghệ cao không được điều chỉnh và không theo kịp với thực tiễn. Hiện nay có 03 mô hình quản trị khu công nghệ cao phổ biến trên thế giới bao gồm: mô hình nhà nước quản trị, mô hình đại học/học viện nghiên cứu quản trị, và mô hình tư nhân quản trị. Các chính sách hiện hành liên quan đến khu công nghệ cao ở Việt Nam mới hướng theo mô hình nhà nước quản trị.

Thứ chín, hiện nay, Ban Quản lý khu công nghệ cao chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn khu công nghệ cao, bao gồm: quy hoạch, xây dựng, môi trường, đầu tư, lao động, an ninh trật tự,… nhưng gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc trong công tác tổ chức triển khai vì thực tế chưa có đầy đủ thẩm quyền để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quản lý. Ban Quản lý mới được một số Bộ, ngành, địa phương ủy quyền trên một số mặt nên công tác quản lý chưa toàn diện, chưa thực hiện được cơ chế một cửa trong việc giải quyết các thủ tục hành chính.

Thứ mười, ngoài Khu Công nghệ cao Hòa Lạc trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, các khu công nghệ khác được Thủ tướng Chính phủ thành lập, giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý do đó vai trò quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với các khu công nghệ cao này chưa được thể hiện rõ nét do thiếu các quy định cụ thể.

## **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Để giải quyết các vấn đề nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị xây dựng Nghị định quy định về khu công nghệ cao nhằm thay thế Nghị định số 99/2003/NĐ-CP đã không còn phù hợp./.

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**